

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HS-PT
Ngày 14-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến;

Ông Phạm Văn Tuệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Tống Văn Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 59/2018/TLPT-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Lục Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2018/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lục Văn T, sinh ngày 27/4/1991 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lục Văn K (C), sinh năm 1963 và bà: Lương Thị T1, sinh năm 1967; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/12/2004 bị xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thời gian 24 tháng về hành vi Cường đoạt tài sản, theo Quyết định số: 1124 QĐ-UB ngày 22/12/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; năm 2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù về Tội cố ý gây thương tích; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2017 đến nay, có mặt.

2. Hoàng Ngọc Đ, sinh ngày 26/4/1993 tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ X, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn C1, sinh năm 1969 và bà: Phạm Thị T2, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự:

Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2017 đến nay, có mặt.

3. Bùi Huy M, sinh ngày 27/3/1985 tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số X1, khu X2, phường P1, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Huy L, sinh năm 1952 và bà: Ngô Thị D, sinh năm 1956; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2017 đến nay, có mặt.

4. Bùi Đức C2, sinh ngày 13/3/1988 tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số X3, khu X4, phường P1, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Đức T3, sinh năm 1957 và bà Vũ Thị H1, sinh năm 1960; vợ, con: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai có vợ là Vũ Thị P2, sinh năm 1994 và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2017 đến nay, có mặt.

5. Vũ Văn T4, sinh ngày 06/7/1987 tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ X5, khu X6, phường C3, thành phố C4, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn H2, sinh năm 1964 và bà: Nguyễn Thị T5, sinh năm 1966; có vợ: Nguyễn Thu H3, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2017 đến ngày 11/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt.

6. Nguyễn Thạc T6, sinh ngày 04/11/1975 tại tỉnh Bắc Ninh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số X7 đường H4, phường C5, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số X8 đường L1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thạc T7, sinh năm 1939 và bà: Đỗ Thị N, sinh năm 1944; có vợ: Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm 1984 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07/9/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo về Tội tổ chức đánh bạc; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2018 đến nay, có mặt.

7. Ngô Đình P3, sinh ngày 11/9/1994 tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu X9, phường P1, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Đình P4, sinh năm 1969 và bà: Lê Thị T8, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam từ

ngày 05/10/2017 đến ngày 17/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt.

8. Phạm Văn K1, sinh ngày 02/5/1989 tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ X10, khu L3, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T9 (đã chết) và bà Đoàn Thị N1, sinh năm 1952; có vợ: Đặng Thị H5, sinh năm 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/5/2009 bị Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2017 đến ngày 09/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thạc T6:* Ông Nguyễn Văn H6, luật sư Văn phòng Luật sư V1 và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

- *Bị hại (đồng thời là bị cáo) có kháng cáo:*

1. Vũ Văn T4, sinh ngày 06/7/1987 tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ X5, khu X6, phường C3, thành phố C4, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do, có mặt.

2. Ngô Đình P3, sinh ngày 11/9/1994 tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu X9, phường P1, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Không, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 13 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 12/8/2017, Nguyễn Văn M1 và Nguyễn Việt H7 có xảy ra mâu thuẫn, xích mích, Nguyễn Việt H7 đã dùng chiếc kéo đâm vào sườn trái của Nguyễn Văn M1 gây thương tích. Sau đó Nguyễn Văn M1 về nhà Nguyễn Thạc T6 và gọi điện thoại cho Phạm Văn T10, Nguyễn Văn H8 và Nông Văn C6 biết việc mình bị Nguyễn Việt H7 đâm. Phạm Văn T10 điện thoại cho Ngô Đình P3 chuẩn bị dao tra cán và tuýp sắt cùng Nguyễn Văn M1, Ngô Đình P3, Lê Ngọc H9, Phạm Văn T10, Nông Quang H10 và Vũ Văn T11 đi xuống thành phố L đến nhà Nguyễn Việt H7 gây sự đánh nhau, Nông Văn C6 một mình bắt taxi đến nhà Nguyễn Việt H7, nhưng Nguyễn Việt H7 không mở cửa, Nông Văn C6 bảo cả nhóm đi về.

Ngay trong đêm 12/8/2017, Nguyễn Văn H8 sau khi nhận được điện thoại của Nguyễn Văn M1 đã điều khiển xe ô tô MAZDA BT-50, BKS 14C-125.58 chở Lưu Văn T12 và một người tên D1; Lê Thành T13 điều khiển xe ô tô hiệu FORDTRANSIT 16 chỗ, BKS 14B-010.04 chở Bùi Huy M, Phạm Văn K1, Bùi

Đức C2, Vũ Đại N2, Vũ Công N3 và Phạm Văn H11; một người tên L4 điều khiển xe FORD RANGER, BKS 14C-184.34 chở Hoàng Ngọc Đ, Vũ Văn L5 và ba người tên T14, T15, D1 cùng nhau lên thành phố L.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 13/8/2017, nhóm bạn của Nguyễn Văn M1 từ tỉnh Q lên và nhóm của Nông Văn C6 cùng Nguyễn Thạc T6 tập trung ăn trưa và đi uống nước ở vỉa hè đường B1, phường V, thành phố L, sau đó Nông Văn C6 và Nguyễn Thạc T6 lên xe ô tô MERCEDES, biển kiểm soát 12A-052.81 do Trần Văn Đ1 (lái xe của Nguyễn Thạc T6) điều khiển đi về nhà Nguyễn Thạc T6. Trên đường đi, Nông Văn C6 sử dụng điện thoại nhắn tin cho Nguyễn Việt H7 thách thức, Nguyễn Việt H7 nhắn tin và gọi lại cho Nông Văn C6 thách thức đánh nhau, hẹn gặp Nông Văn C6 tại khu vực ngã tư đường P3 và C7, Nông Văn C6 bảo Nguyễn Thạc T6 cho xe quay lại quán nước. Đến quán nước, Nông Văn C6 xuống xe bảo Vũ Văn T4 và Ngô Đình P3 đi lấy dao, tuýp sắt và bảo mọi người lên xe ô tô đi đánh nhóm Nguyễn Việt H7. Trên đường đi Nông Văn C6 liên tục nhận được điện thoại của Nguyễn Việt H7 thách thức đến đánh nhau.

Nguyễn Việt H7, Lục Văn T, Lục Văn C8, Hoàng Xuân T14 và Lại Ngọc T15 ngồi ở quán nước khu vực trước số nhà Z, đường P3, phường V, thành phố L. Sau khi thách thức với nhóm của Nông Văn C6, Nguyễn Việt H7 bảo Lục Văn T vào nhà Z đường P3 lấy hung khí, Hoàng Xuân T14 thấy vậy chạy theo. Lục Văn T đưa cho Hoàng Xuân T14 02 con dao tra cán, còn Lục Văn T cầm khẩu súng bắn đạn ghém ở dưới gầm bàn trong phòng khách nhà Đào Ngọc A chạy ra, thấy nhóm của Nông Văn C6 cầm hung khí là dao tra cán, gậy sắt, gạch đá lao sang đuổi đánh nên nhóm của Nguyễn Việt H7 đã chạy vào đường C7. Khi chạy được khoảng 45m thì Lục Văn T nổ một phát súng bắn lại phía sau làm Phạm Văn K1, Ngô Đình P3 và Vũ Văn T4 bị thương nặng (Bùi Đức C2, Nguyễn Văn H8 bị thương nhẹ, từ chối giám định và không yêu cầu giải quyết). Thấy có người bị thương, nhóm của Nông Văn C6 quay lại đưa những người bị thương vào Bệnh viện. Còn nhóm của Nguyễn Việt H7 chạy vào nhà Lý Ba P5 cất giấu hung khí và Nguyễn Việt H7 gọi điện thoại cho Đào Ngọc A nhờ đến đón và đưa mọi người xuống khu vực xã M2, thành phố L.

Quá trình điều tra xác định: Khẩu súng bắn đạn ghém mà Lục Văn T sử dụng là của Đào Ngọc A để ở dưới gầm bàn. Khẩu súng trên do Đào Ngọc A mua của một người tên T16 ở thành phố H12 và mua một số viên đạn ghém của người mang tên H13 ở thành phố H14, vào khoảng tháng 02/2016. Tối ngày 12/8/2017, Đào Ngọc A mang khẩu súng ra lau chùi và để khẩu súng dưới gầm bàn phòng khách.

Tại Kết luận giám định số 241/GĐ-PC54 ngày 20/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn xác định khẩu súng thu giữ là súng tự chế kiểu súng săn cỡ 12 đã bị cưa ngắn nòng, hiện tại súng bắn được và có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 08, 09, 11/2018/TgT ngày 10/01/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận,

tỷ lệ tổn thương cơ thể của Vũ Văn T4, Ngô Đình P3 và Phạm Văn K1, mỗi người thiệt hại sức khỏe là 11%.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M1, Nông Văn C6, Vũ Văn T4, Ngô Đình P3, Vũ Đại N2, Hà Văn D3, Phạm Văn K1, Nguyễn Thanh L4, Nguyễn Thạc T6, Bùi Đức C2, Bùi Huy M, Lê Ngọc H9, Hoàng Ngọc Đ, Vũ Văn T11, Bùi Quang H15, Nguyễn Việt H7, Lục Văn C8, Hoàng Xuân T14, Lại Ngọc T15 phạm Tội gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo Lục Văn T phạm các Tội gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

Bị cáo Đào Ngọc A phạm Tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 245; khoản 1 Điều 230; điểm b, p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 50; Điều 53 của Bộ luật Hình sự 1999; khoản 3 Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội đối với bị cáo Lục Văn T.

Xử phạt bị cáo Lục Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng"; 01 (một) năm tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Tổng cộng hình phạt chung bị cáo Lục Văn T phải chấp hành là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/9/2017.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 245; điểm p, q khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 của Bộ luật Hình sự 1999 đối với các bị cáo Phạm Văn K1, Hoàng Ngọc Đ.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn K1 01 (một) năm 01 (một) tháng tù. Trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam là 03 (ba) tháng 29 (hai mươi chín) ngày (từ ngày 11/9/2017 đến 09/01/2018). Thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 09 (chín) tháng 01 (một) ngày, tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc Đ 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/9/2017.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 245; điểm p, q khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 53 của Bộ luật Hình sự 1999 đối với các bị cáo Bùi Đức C2, Bùi Huy M.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức C2 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 05/10/2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Huy M 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 31/8/2017.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 245; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 của Bộ luật Hình sự 1999 đối với các bị cáo Vũ Văn T4, Ngô Đình P3.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T4 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam là 03 (ba) tháng 06 (sáu) ngày (từ ngày 05/10/2017 đến 11/01/2018). Thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 12 (mười hai) tháng 24 (hai mươi tư) ngày, tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Ngô Đình P3 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam là 03 (ba) tháng 12 (mười hai) ngày (từ ngày 05/10/2017 đến 17/01/2018). Thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 12 (mười hai) tháng 18 (mười tám) ngày, tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 245; điểm p, q khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 của Bộ luật Hình sự 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thạc T6.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thạc T6 01 (một) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/01/2018.

Về bồi thường thiệt hại: Các bị hại (đồng thời là các bị cáo) Ngô Đình P3, Vũ Văn T4 có quyền khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại về sức khỏe bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên phạt 13 bị cáo khác mức án từ 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù; phần bồi thường thiệt hại đối với bị cáo Phạm Văn K1; phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đối với các bị cáo.

Trong các ngày từ 03/5/2018 đến 10/5/2018, các bị cáo Lục Văn T, Hoàng Ngọc Đ, Bùi Huy M, Bùi Đức C2, Vũ Văn T4, Nguyễn Thạc T6, Ngô Đình P3, Phạm Văn K1 có đơn kháng cáo với nội dung như sau:

- Bị cáo Bùi Đức C2 kháng cáo xin được hưởng án treo;

- Các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Lục Văn T, Bùi Huy M, Nguyễn Thạc T6, Phạm Văn K1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Các bị cáo (đồng thời là bị hại trong vụ án) Vũ Văn T4 và Ngô Đình P3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho hưởng án treo. Ngoài ra bị cáo Vũ Văn T4 yêu cầu bị cáo Lục Văn T bồi thường thiệt hại 100.000.000đ (một trăm triệu đồng); bị cáo Ngô Đình P3 yêu cầu bị cáo Lục Văn T bồi thường thiệt hại 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Ngày 12/6/2018, bị cáo Lục Văn T có đơn xin rút kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên ý kiến xin được rút kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Đức C2, Vũ Văn T4, Ngô Đình P3 thay đổi kháng cáo xin hưởng án treo sang xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Bùi Huy M, Nguyễn Thạc T6, Phạm Văn K1 giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo trình bày căn cứ cho việc kháng cáo như sau:

- 1- Bị cáo Bùi Đức C2 trình bày bị cáo phạm tội lần đầu, quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi bố mẹ già,

con nhỏ, vợ của bị cáo đã bỏ đi, có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

2- Bị cáo Vũ Văn T4 trình bày bị cáo là lao động chính trong gia đình, có bà ngoại được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương và hiện đang ở cùng bị cáo; ngoài ra bố mẹ của bị cáo đang bệnh tật, vợ của bị cáo sắp đến ngày sinh con, hiện trong cơ thể của bị cáo vẫn còn các hạt đạn hoa cải chưa được lấy ra hết, nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

3- Bị cáo Ngô Đình P3 trình bày trong vụ án bị cáo đồng thời cũng là bị hại, hiện sức khỏe còn yếu, trong người vẫn còn các hạt đạn hoa cải chưa được lấy ra hết, nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

4- Bị cáo Bùi Huy M trình bày bị cáo là lao động chính trong gia đình, có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

5- Bị cáo Hoàng Ngọc Đ trình bày bị cáo phạm tội lần đầu, là lao động chính trong gia đình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

6- Bị cáo Phạm Văn K1 trình bày bị cáo có bố là ông Phạm Văn T9 được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương, chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Trong vụ án bị cáo cũng là bị hại, bị thương tích nặng ảnh hưởng đến cột sống, nên mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

7- Bị cáo Nguyễn Thạc T6 trình bày bị cáo không biết Nông Văn C6 lên ngã tư P3, thành phố L để làm gì, bị cáo chỉ đưa Nông Văn C6 đến nơi xong bị cáo quay về nhà; bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ, bị cáo hiện đang bị bệnh lao phổi và biểu hiện tâm thần, gia đình bị cáo đã cung cấp bệnh án, nên mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lục Văn T, Hoàng Ngọc Đ, Bùi Huy M, Bùi Đức C2, Vũ Văn T4, Nguyễn Thạc T6, Ngô Đình P3, Phạm Văn K1 làm trong hạn luật định nên hợp lệ, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lục Văn T về các Tội gây rối trật tự công cộng, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, cố ý gây thương tích; xét xử các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Bùi Huy M, Bùi Đức C2, Vũ Văn T4, Nguyễn Thạc T6, Ngô Đình P3, Phạm Văn K1 về Tội gây rối trật tự công cộng là đúng người, đúng tội, không oan. Đối với bị cáo Lục Văn T ngày 12/6/2018 có đơn xin rút kháng cáo, tại phiên tòa vẫn giữ nguyên ý kiến xin rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lục Văn T. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Đức C2, Vũ Văn T4, Ngô Đình P3 thay đổi kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt tù; các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Bùi Huy M, Nguyễn Thạc T6, Phạm Văn K1 giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù. Xét kháng cáo của các bị cáo thấy:

- Bị cáo Hoàng Ngọc Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được tình tiết nào mới làm căn cứ cho việc kháng cáo; bị cáo Phạm Văn K1 xuất trình thêm huân chương của bố bị cáo, tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân

xấu và mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Phạm Văn K1 là phù hợp. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Phạm Văn K1.

- Các bị cáo Bùi Đức C2, Bùi Huy M tại phiên tòa xuất trình thêm tài liệu mới là đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân các bị cáo là lao động chính trong gia đình có sự xác nhận bảo lãnh của chính quyền địa phương. Bị cáo Nguyễn Thạc T6 cung cấp thêm tài liệu mới là giấy chứng nhận bị cáo tích cực tham gia ủng hộ phong trào tại địa phương, giấy chứng nhận bị cáo bị chấn thương sọ não, bệnh án đang phải điều trị bệnh lao phổi, giấy chứng nhận mẹ bị cáo tham gia dân công hỏa tuyến, xuất trình thêm huân huy chương của bố bị cáo. Các bị cáo Vũ Văn T4, Ngô Đình P3 tuy không có tình tiết nào mới, nhưng chỉ tham gia vụ án với vai trò thứ yếu, do người khác sai bảo, bản thân các bị cáo cũng là người bị hại trong vụ án, trong người vẫn còn nhiều viên đạn hoa cải chưa thể lấy ra được. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Bùi Đức C2, Bùi Huy M, Nguyễn Thạc T6, Vũ Văn T4, Ngô Đình P3.

Trong phần kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn T4, Ngô Đình P3, bị cáo Vũ Văn T4 yêu cầu bị cáo Lục Văn T bồi thường 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), bị cáo Ngô Đình P3 yêu cầu bị cáo Lục Văn T bồi thường 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Xét thấy cấp sơ thẩm đã tách phần bồi thường dân sự để giải quyết theo thủ tục chung khi có yêu cầu, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo cũng không đề cập đến phần này và cũng không cung cấp được tài liệu nào mới nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Phạm Văn K1, giữ nguyên mức án như cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Phạm Văn K1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thạc T6, Vũ Văn T4, Ngô Đình P3, Bùi Đức C2, Bùi Huy M, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho các bị cáo, cụ thể: Giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thạc T6 xuống 07 đến 09 tháng tù; giảm hình phạt cho các bị cáo Vũ Văn T4, Ngô Đình P3, Bùi Đức C2, Bùi Huy M xuống 13 đến 14 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thạc T6 phát biểu quan điểm: Trong vụ án bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm thứ yếu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương kháng chiến hạng nhất và mẹ đẻ là người có công với cách mạng, bị cáo lại đang mắc bệnh hiểm nghèo. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo Nguyễn Thạc T6 được hưởng mức án dưới mức đề nghị của Kiểm sát viên.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Bùi Đức C2, Bùi Huy M, Nguyễn Thạc T6, Vũ Văn T4, Ngô Đình P3, Hoàng Ngọc Đ, Phạm Văn K1 có ý kiến cho rằng đã nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo Lục Văn T, Hoàng Ngọc Đ, Bùi Huy M, Bùi Đức C2, Vũ Văn T4, Nguyễn Thạc T6, Ngô Đình P3, Phạm Văn K1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử bị cáo Lục Văn T về các Tội gây rối trật tự công cộng, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, cố ý gây thương tích; xét xử các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Bùi Huy M, Bùi Đức C2, Vũ Văn T4, Nguyễn Thạc T6, Ngô Đình P3, Phạm Văn K1 về Tội gây rối trật tự công cộng theo điểm a khoản 2 Điều 245; khoản 1 Điều 230 của Bộ luật Hình sự 1999; điểm b khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[2] Đối với bị cáo Lục Văn T, ngày 12/6/2018 có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên ý kiến xin rút toàn bộ kháng cáo. Xét việc rút kháng cáo của bị cáo Lục Văn T là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lục Văn T.

[3] Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Bùi Huy M, Bùi Đức C2, Vũ Văn T4, Nguyễn Thạc T6, Ngô Đình P3, Phạm Văn K1, do đó mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Phạm Văn K1, Bùi Đức C2, Bùi Huy M, Nguyễn Thạc T6, Vũ Văn T4, Ngô Đình P3, Hội đồng xét xử thấy như sau:

[5] Bị cáo Hoàng Ngọc Đ tại phiên tòa không đưa ra được tình tiết nào mới làm căn cứ cho việc kháng cáo. Bị cáo Phạm Văn K1 cung cấp thêm tình tiết mới bố bị cáo là ông Phạm Văn T9 được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương và bệnh án bị cáo hiện vẫn còn các mảnh đạn trong người. Tuy nhiên xét thấy bị cáo là người có nhân thân không tốt, đã từng bị xử phạt về "Tội đánh bạc" nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện, tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, do đó mức án 13 (mười ba) tháng tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo Phạm Văn K1 là phù hợp. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Phạm Văn K1, cần giữ nguyên mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo.

[6] Các bị cáo Bùi Đức C2, Bùi Huy M, Vũ Văn T4, Ngô Đình P3 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo tham gia vụ án do bị người khác rủ rê lôi kéo nên chỉ dừng lại ở mức độ nhất định. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, đồng thời cung cấp thêm tài liệu mới làm căn cứ cho việc kháng cáo, cụ thể: Các

bị cáo Bùi Đức C2, Bùi Huy M, Vũ Văn T4 cung cấp đơn xác nhận của chính quyền địa phương các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, bố mẹ đã già, thường xuyên đau ốm. Các bị cáo Vũ Văn T4 và Ngô Đình P3 cung cấp bệnh án trong cơ thể các bị cáo vẫn còn di vật do ảnh hưởng từ việc bị Lục Văn T bắn bằng súng tự chế, hiện tại sức khỏe các bị cáo còn yếu. Do đó có thể xem xét cho các bị cáo Bùi Đức C2, Bùi Huy M, Vũ Văn T4, Ngô Đình P3 hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Từ đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo Bùi Đức C2, Bùi Huy M, Vũ Văn T4, Ngô Đình P3 để các bị cáo yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội, qua đó thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Bị cáo Nguyễn Thạc T6 tham gia vụ án với vai trò đồng phạm thứ yếu, bị cáo chỉ đưa Nông Văn C6 đến ngã tư P3, thành phố L, sau đó quay về. Bản thân bị cáo không tham gia cùng nhóm của Nông Văn C6 đuổi đánh nhóm của Nguyễn Việt H7. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, đồng thời cung cấp thêm tình tiết mới là bệnh án bị cáo hiện tại đang mắc bệnh hiểm nghèo, thường xuyên phải theo dõi điều trị, do đó bị cáo Nguyễn Thạc T6 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Từ đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thạc T6, qua đó thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với những người đã thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân đã gây ra. Xét thấy ngoài vụ án này, tại bản án hình sự sơ thẩm số 109/2018/HS-ST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo Nguyễn Thạc T6 03 (ba) tháng tù về "Tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" tới nay bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ tổng hợp hình phạt bản án theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[8] Đối với kháng cáo yêu cầu bị cáo Lục Văn T bồi thường thiệt hại của các bị cáo Vũ Văn T4, Ngô Đình P3, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Vũ Văn T4, Ngô Đình P3 chưa yêu cầu bồi thường và đề nghị được tách phần bồi thường ra giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác, bị cáo Lục Văn T cũng đồng ý, vì vậy cấp sơ thẩm đã quyết định *khi có yêu cầu, các bị cáo (đồng thời là bị hại) Vũ Văn T4, Ngô Đình P3 có quyền khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại về sức khỏe bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự*. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vũ Văn T4, Ngô Đình P3 cũng không đề cập đến phần bồi thường thiệt hại. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết phần yêu cầu bị cáo Lục Văn T bồi thường thiệt hại của các bị cáo Vũ Văn T4, Ngô Đình P3 trong vụ án hình sự nói trên.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Phạm Văn K1; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Huy M, Bùi Đức C2, Nguyễn Thạc T6, Vũ Văn T4, Ngô Đình P3 và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thạc T6 do phù hợp với nhận định của Hội

đồng xét xử nên được chấp nhận. Về mức hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét ấn định phù hợp với từng bị cáo trong vụ án.

[10] Về án phí: Căn cứ vào các điểm b, g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Lục Văn T do đã rút kháng cáo và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lục Văn T nên bị cáo Lục Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Bùi Huy M, Bùi Đức C2, Vũ Văn T4, Nguyễn Thạc T6, Ngô Đình P3, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Phạm Văn K1 phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm để sung quỹ Nhà nước.

[11] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

I. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lục Văn T.

Quyết định về phần hình phạt tù đối với bị cáo Lục Văn T của bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo Lục Văn T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ việc xét xử phúc thẩm 14/8/2018.

II. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Phạm Văn K1, xử giữ nguyên phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể như sau:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 245; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 của Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc Đ 16 (mười sáu) tháng tù giam về "Tội gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/9/2017.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 245; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 của Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn K1 13 (mười ba) tháng tù giam về "Tội gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2017 đến 09/01/2018.

III. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Vũ Văn T4, Nguyễn Thạc T6, Ngô Đình P3, Bùi Đức C2, Bùi Huy M, sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án

nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể như sau:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 245; điểm p, q khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 53 của Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức C2 12 (mười hai) tháng tù giam về "Tội gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 05/10/2017.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 245; điểm p, q khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 53 của Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Bùi Huy M 12 (mười hai) tháng tù giam về "Tội gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 31/8/2017.

3. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 245; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 của Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T4 13 (mười ba) tháng tù giam về "Tội gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2017 đến 11/01/2018.

4. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 245; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 của Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Ngô Đình P3 13 (mười ba) tháng tù giam về "Tội gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2017 đến 17/01/2018.

5. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 245; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 51; Điều 53 của Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thạc T6 06 (sáu) tháng tù giam về "Tội gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) tháng tù giam của bản án hình sự sơ thẩm số 109/2018/HS-ST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo Nguyễn Thạc T6 về "Tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"; tổng hợp hình phạt bị cáo Nguyễn Thạc T6 phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/01/2018.

IV. Về án phí: Căn cứ các điểm b, g, h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Phạm Văn K1 phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm sung quỹ Nhà nước.

- Các bị cáo Lục Văn T, Bùi Huy M, Bùi Đức C2, Vũ Văn T4, Nguyễn Thạc T6, Ngô Đình P3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

V. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (14/8/2018)/.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND t.p Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND t.p Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS t.p Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an t.p Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hình sự, HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Sơn